

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

V X, ngày 11 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị B - Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn Làng C, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Kh - Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn Làng C, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa, nguyên đơn chị Vàng Thị B và bị đơn anh Nguyễn Văn Kh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị B và anh Nguyễn Văn Kh thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận, chị Vàng Thị B giao hai cháu là cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 20/05/2011 và cháu Nguyễn Mạnh N, sinh ngày 11/11/2013 cho anh Nguyễn Văn Kh trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Vợ chồng chị Vàng Thị B và anh Nguyễn Văn Kh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất, chị Vàng Thị B tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị B đã nộp, trả lại cho chị Vàng Thị B 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002234 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân